

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MƯỜNG PỒN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN - NĂM 2024

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MUỜNG PỒN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Chu Thị Hải Yến	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Vũ Thị Sơn Ca	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
4	Lò Thị Minh Thương	Tổ trưởng tổ MGĐ	Thư kí hội đồng	
5	Lò Thị Loan	Tổ phó tổ MGĐ	Ủy viên hội đồng	
6	Lường Thị Hải	Tổ trưởng tổ MGG - NT	Ủy viên hội đồng	
7	Đinh Thị Thanh Nga	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Lò Thị Thanh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Tào Thị Tú	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	38

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	43
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	46
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	49
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	50
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	52
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	55
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	57
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	59
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	61
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	64
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	65
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	67
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	70
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	71

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	74
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	75
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	79
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	80
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 4	80
Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.	81
Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	83
Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.	84
Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.	85
Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường	87
Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.	88
Kết luận tiêu chí mức 4	89
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	90
Phần IV. PHỤ LỤC	91

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CBQL, GV, NV	CBQL, GV, NV
4	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
5	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
6	GDMN	Giáo dục mầm non
7	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
8	HĐND	Hội đồng nhân dân
9	MG	Mẫu giáo
10	MN	Mầm non
11	QĐ	Quyết định
12	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
13	UBND	Ủy ban nhân dân
14	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
15	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
16	MGĐ	Mẫu giáo đơn
17	MGG	Mẫu giáo ghép
18	MGG + NT	Mẫu giáo ghép + Nhà trẻ
19	TĐG	Tự đánh giá
20	HĐ	Hội đồng
21	TT	Tổ trưởng

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1: 25/25 tiêu chí, mức 2: 25/25 tiêu chí, mức 3: 17/19 tiêu chí.

2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Mức 4: đạt 2/6 tiêu chí.

2. Kết luận: Trường đạt mức 2.

PHẦN I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non xã Mường Pôn

Tên trước đây: Không.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Chu Thị Hải Yến
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Điện Biên	Điện thoại	0985289223
Xã / phường/thị trấn	Mường Pôn	Fax	
Đạt CQG	Mức độ I	Website	http://mnmuongpon.huyendienbien.edu.vn
Năm thành lập trường	Số 1203/QĐ-UBND ngày 10/6/2003	Số điểm trường lẻ	4
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi					
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi					
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	4	4	4	4	4
Số lớp mẫu giáo ghép 3- 4 tuổi	3	1	1	1	1
Số lớp mẫu giáo ghép 3- 4-5 tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3 tuổi	0	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 4 tuổi	0	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	3	3	3	3	3
Cộng	12	14	14	14	14

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	14	14	14	14
1	Phòng kiên cố	12	14	14	14	14
2	Phòng bán kiên cố					
3	Phòng tạm					
II	Khối phòng	2	2	2	2	3

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
	phục vụ học tập					
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	3
2	Phòng bán kiên cố					
3	Phòng tạm					
III	Khối phòng hành chính quản trị	7	7	7	7	9
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	9
2	Phòng bán kiên cố					
3	Phòng tạm					
IV	Khối phòng tổ chức ăn	4	3	3	3	2
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	11	11	11	11	11
1	Phòng kiên cố					
2	Phòng bán kiên cố	11	11	11	11	11
Cộng		36	37	37	37	39

3. CBQL, GV, NV

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	21	21	13	0	1	20	
Nhân viên	8	8	7	6	2	0	

Cộng	32	32	21	6	3	23	
-------------	-----------	-----------	-----------	----------	----------	-----------	--

b) Số liệu của 5 năm gần đây

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số giáo viên	20	20	21	21	21
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	12,9	13,5	11,1	11	11,7
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)					
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	16,7	17,1	23,9	17,3	14,4
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương	3	7	7	8	7
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Tổng số trẻ em	307	321	317	319	283
	- Nữ	128	152	144	152	145

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
	- Dân tộc thiểu số	307	321	317	319	283
2	Đối tượng chính sách	211	235	234	238	200
3	Khuyết tật	1	1	1	2	1
4	Tuyển mới	90	81	78	77	82
5	Học 2 buổi/ngày	307	321	317	319	283
6	Bán trú	307	321	317	319	283
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	27,1	24,0	23,9	24,2	20,1
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	22,5	20,3	19,5	19,3	20,5
9	- Trẻ em từ 03-12 tháng tuổi					
	- Trẻ em từ 13- 24 tháng tuổi					
	- Trẻ em từ 25- 36 tháng tuổi	90	81	78	77	82
	- Trẻ em từ 3- 4 tuổi	58	85	78	71	57
	- Trẻ em từ 4- 5 tuổi	88	81	82	73	73
	- Trẻ em từ 5- 6 tuổi	71	74	79	98	71
10	Phổ cập giáo dục trẻ em cho trẻ 5 tuổi					
1	Tỷ lệ (%) huy động trẻ em lứa tuổi mầm	54,5%	53%	55,8%	61,6%	70,1%

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
	non 3-36 tháng tuổi					
2	Tỷ lệ (%) huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	100	100	100	100	100
3	Tỷ lệ (%) trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ (%) trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập		100	100	100	0

PHẦN II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non xã Mường Pồn thành lập theo Quyết định số 1203/QĐ – UBND ngày 10 tháng 6 năm 2003. Nằm trên địa bàn bản Co Chạy – xã Mường Pồn – huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Mường Pồn, phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường bao và hàng rào thép B40, có sân chơi được lát gạch và láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Trong những năm qua, bằng sự phấn đấu nỗ lực hết mình với các phong trào thi đua, tập thể CBQL, GV, NV trường Mầm non xã Mường Pồn nhiều năm liền giữ vững danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến được nhiều giấy khen của các cấp. Đến năm 2011 trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Năm 2013 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 409/QĐ - UBND ngày 17 tháng 06 năm 2013. Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2015

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. Năm học 2023 - 2024 nhà trường có tổng số 32 CBQL, GV, NV (trong đó cán bộ quản lý: 03 đồng chí, giáo viên: 21 đồng chí, nhân viên: 08 đồng chí). Nhà trường có 17/21 giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó GVĐG cấp trường 10 đồng chí; GVĐG cấp huyện 7 đồng chí, cấp tỉnh: 0 đ/c).

Nhà trường có 14 nhóm lớp với 283 trẻ, trong đó có 04 nhóm trẻ 24-36 tháng; 02 lớp MG ghép 3+4+5 tuổi; 01 lớp MG ghép 3-4 tuổi; 02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 03 lớp MG 5-6 tuổi. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, học 2 buổi/ngày và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp vượt chỉ tiêu theo kế hoạch giao, có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Sau 20 năm đi vào hoạt động, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBQL, GV, NV. Trường Mầm non xã Mường Pồn đã có những bước phát triển

về mọi mặt. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên, được UBND tỉnh, UBND huyện Điện Biên tặng giấy khen. Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, cha, mẹ trẻ tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đáp ứng các tiêu chí về đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do BGD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT- BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục

và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01- 02 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình của BGD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập Kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo

dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả đánh giá nhà trường đạt cấp độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non xã Mường Pồn xây dựng Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non cũng như các nguồn lực của nhà trường. Kiện toàn đầy đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, có tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ khoa học. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV, nâng cao hiệu quả chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non, trẻ được học 2 buổi/ngày. Giáo viên căn cứ vào Chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục theo năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp theo chương trình giáo dục của BGD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng cá nhân. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo các quyền lợi của CBQL, GV, NV đúng quy định. Nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, các nguy cơ cháy nổ, bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ CBQL, GV, NV, học sinh [H1-1.1-01]. Hằng năm, nhà trường cụ thể kế hoạch giai đoạn thành kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học và đề ra phương hướng cho những năm tiếp theo [H1-1.1-02].

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 và kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học hằng năm được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch phát triển Nhà trường tới toàn thể CBQL, GV, NV và thực hiện niêm yết trên website, bảng tin của nhà trường để toàn thể CBQL, GV, NV, các bậc cha mẹ cùng biết [1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Hội đồng trường có kế hoạch và thực hiện giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển của trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội địa phương; Hội đồng trường quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế về tổ chức hoạt động của trường; Quyết nghị đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết nghị về cơ cấu và phương hướng đầu tư phát triển của trường [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, tổ chức xây dựng phương hướng,

chiến lược xây dựng và phát triển Nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ em và cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết trên website, bảng tin của trường. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và địa phương.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết đăng tải trên Website, tại bảng tin của nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý.	CBQL, GV, NV	Trang thông tin điện tử, bảng tin của trường.	Trong năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo.	Không
Định kỳ hằng năm rà soát bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	CBQL, GV, NV	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch tuyển sinh và phân công nhiệm vụ	Trong năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non, gồm 11 thành viên theo Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Điện Biên về việc Thành lập Hội đồng trường Mầm non xã Mường Pồn nhiệm kỳ 2023-2028 [H1-1.1-05]. Các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 07 thành viên [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm sáng kiến gồm 07 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng biên soạn Chương trình giáo dục Nhà trường [H1-1.2-03]; Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục nhà trường gồm 06 thành viên [H1-1.2-04]; Hội đồng tự đánh giá gồm 09 thành viên [H1-1.2-05], Hội đồng rà soát kế hoạch phát triển chiến lược giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 gồm 05 thành viên [H1-1.2-06]; Hội đồng tư vấn giáo dục gồm 10 thành viên [H1-1.2-07]; Hội đồng rà soát, lựa chọn đồ chơi, học liệu gồm 13 thành viên [H1-1.2-08].

Các Hội đồng được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định theo điều 9, khoản 1- thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non và Nghị định 24/NĐ-CP. Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.1-05]; Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp xét đề nghị các cấp khen thưởng đối với CBQL, GV, NV trong nhà trường [H1-1.2-01]. Hội đồng chấm sáng kiến đánh giá, nhận xét phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng đối với sáng kiến [H1-1.2-02]. Hội đồng biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường

đã tổ chức nghiên cứu và biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp [H1-1.2-03]; Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục Nhà trường tiến thành thẩm định, đánh giá Chương trình giáo dục Nhà trường đảm bảo theo quy định [H1-1.2-04]; Hội đồng tự đánh giá tổ chức triển khai hoạt động tự đánh giá và tư vấn cho nhà trường các biện pháp duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-05]; Hội đồng rà soát kế hoạch phát triển chiến lược giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 triển khai các hoạt động rà soát mục tiêu của kế hoạch, tham mưu với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu theo lộ trình đến năm 2030 [H1-1.2-06]; Hội đồng tư vấn giáo dục thực hiện tư vấn các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.2-07]; Hội đồng rà soát, lựa chọn đồ chơi, học liệu tổ chức lựa chọn, đề xuất danh mục đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường [H1-1.2-08].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ được rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-05]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng gắn với các hoạt động của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các hội đồng tự rà soát, đánh giá, hoạt động theo định kỳ, có đề nghị ý kiến điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm kiện toàn các hội đồng trong nhà trường.	Cán bộ quản lý	Tờ trình, các quyết định thành lập	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.	Các thành viên của hội đồng trường và các hội đồng khác.	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
--	--	--	--	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Tổ chức Công đoàn gồm 27 đoàn viên công đoàn, có Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch và 02 ủy viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm Bí thư; phó Bí thư và 13 đoàn viên [H1-1.3-02].

Hằng năm, các tổ chức, đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với nhà trường để hoạt động theo Điều lệ của từng tổ chức, nhằm

giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ chí Minh trong trường thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Đoàn thanh niên, đã nâng cao các hoạt động và phong trào của nhà trường. Công đoàn trường chăm lo đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện tốt các hoạt động phong trào và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và cấp trên [H1-1.2-09]; [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Hằng năm, các hoạt động của đoàn thể, tổ chức tự rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức và đoàn thể [H1-1.2-09].

Mức 2:

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 18 đảng viên có Bí thư, phó Bí thư và 16 đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Mường Pồn đánh 01 năm hoàn thành xuất sắc và 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó từ năm 2019 đến 2022 hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2023 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hằng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ, các hoạt động phong trào thể dục - thể thao [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Hằng năm, các tổ chức được rà soát và được đánh giá có hiệu quả trong phối hợp thực hiện các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục trẻ em của trường như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu.

Từ năm 2019 đến 2022 Chi bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2023 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Phát huy tinh thần tập trung, dân chủ của các tổ chức, cá nhân trong đơn vị về công tác quản lý và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể với nhà trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.	Chi bộ trường mầm non xã, các tổ chức đoàn thể	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động cụ thể tới các thành viên	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng 02 phó hiệu trưởng đủ theo quy định theo Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGD&ĐT ngày 30/10/2023 Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn MGG, nhà trẻ có 15 thành viên (trong đó có 01 CBQL; 13 giáo viên và 01 nhân viên nấu ăn); tổ mẫu giáo đơn có 12 thành viên (trong đó có 01 CBQL; 08 giáo viên và 03 nhân viên nấu ăn); tổ văn phòng có 05 thành viên. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó; tổ văn phòng có 01 tổ trưởng và các nhân viên làm công tác kế toán, bảo vệ, y tế kiêm nhiệm theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hàng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng nhằm chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo phân công nhiệm vụ; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại CBQL, GV, NV trong tổ theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất về phương pháp, hình thức tổ chức lớp học và các chuyên đề như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; Tăng cường nghe nói Tiếng Việt cho trẻ mầm non, người dân tộc thiểu số; Giáo dục phòng cháy chữa cháy và kỹ năng thoát hiểm an toàn cho trẻ mẫu giáo; Giáo dục phòng cháy chữa cháy và kỹ năng thoát hiểm an toàn cho trẻ mẫu giáo; An toàn giao thông; Kỹ năng sống cho trẻ; Giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non..., các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế của tổ và nhà trường [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.2-09].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề, chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của CBQL, GV, NV góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định. Có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học và theo tháng, định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì và kiện toàn cấu tổ chức và hoạt động có hiệu quả phù hợp với thực tế của Nhà trường.	Cán bộ quản lý	Các quyết định thành lập	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo.	Không
Các tổ chuyên môn tiếp tục chủ động, tích cực đề xuất	Cán bộ quản lý,	Kế hoạch sinh hoạt	Năm học 2023-2024	Không

nội dung chuyên đề chuyên sâu nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các thành viên trong tổ.	tổ trưởng, giáo viên nhân viên	chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	và các năm tiếp theo	
--	--------------------------------	---	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong các năm học vừa qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi (11/14 lớp có số lượng trẻ trong mỗi lớp và nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi, 3/14 lớp MGG đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non). Do đặc điểm phân bố của dân cư và khoảng cách các điểm trường xa trung tâm, tỉ lệ sinh các bản không đồng đều, tính đến thời điểm hiện tại nhà trường còn có 3 lớp mẫu giáo ghép. Năm học 2023-2024, trường có 14 nhóm, lớp với 283 trẻ; trẻ nhà trẻ 04 nhóm trẻ với 82 trẻ, 10 lớp mẫu giáo: 201 trẻ (02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 35 trẻ, 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 40 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 56 trẻ; 02 lớp Mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi: 43 trẻ; 01 lớp Mẫu giáo ghép 3,4 tuổi: 27 trẻ) [H1-1.5-01].

Hàng năm các nhóm trẻ/lớp mẫu giáo được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày đảm bảo theo chương trình chăm sóc GDMN [H1-1.5-02].

Hàng năm, mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật. Đến thời điểm đánh giá nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1.5-03].

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá số lượng theo quy định, có 11 nhóm/lớp được phân chia theo độ tuổi và 3 lớp mẫu giáo ghép. Năm học 2019-2020 nhà trường có 12 nhóm/lớp với 307 trẻ. Trong đó, 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 90 trẻ bình quân 25 trẻ/nhóm; 08 lớp mẫu giáo với 217 trẻ, bình quân 27,1 trẻ/lớp. Năm học 2020-2021, nhà trường có 14 nhóm/lớp với 321 trẻ. Trong đó, 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 81 trẻ bình quân 20,3 trẻ/nhóm; 10 lớp mẫu giáo với 241 trẻ, bình quân 24 trẻ/lớp. Năm học 2021-2022, nhà trường có 14 nhóm/lớp với 317 trẻ. Trong đó, 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 78 trẻ, bình quân 26,6 trẻ/nhóm; 10 lớp mẫu giáo với 239 trẻ, bình quân 23,9 trẻ/lớp. Năm học 2022-2023, nhà trường có 14 nhóm/lớp với 319 trẻ. Trong đó, 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 77 trẻ, bình quân 19,2 trẻ/nhóm; 10 lớp mẫu giáo với 242 trẻ, bình quân 24,2 trẻ/lớp. Năm học 2023-2024, nhà trường có 14 nhóm/lớp với 283 trẻ. Trong đó, 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 82 trẻ, bình quân 20,5 trẻ/nhóm; 10 lớp mẫu giáo với 201 trẻ, bình quân 20,1 trẻ/lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Cụ thể: Năm học 2019-2020 có 12 nhóm/lớp (04 nhóm trẻ 24-36 tháng, 08 lớp mẫu giáo). Từ năm học 2020-2021, đến năm học 2023-2024 đều có 14 nhóm/lớp (04 nhóm trẻ 24-36 tháng, 10 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định và các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi phù hợp với tình hình phân bố dân cư của địa phương theo từng điểm trường. 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm phân bố của dân cư và khoảng cách các điểm trường xa trung tâm, tỉ lệ sinh các bản không đồng đều, tính đến thời điểm hiện tại nhà trường còn có 3 lớp mẫu giáo ghép.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phối hợp các lực lượng trên địa bàn huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 3-36 tháng tuổi. Duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp và bố trí sắp xếp phù hợp số lượng trẻ/nhóm, lớp, giảm số lượng lớp ghép.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch tuyển sinh Phân công nhiệm vụ hàng năm.	Năm học 2023-2024. Trong các năm học tiếp theo	
Tiếp tục tuyên truyền vận động XHH đảm bảo đồ dùng phục vụ cho lớp có trẻ khuyết tật hòa nhập	Hiệu trưởng, cốt cán, GVCN	Kế hoạch nuôi dưỡng CSDG trẻ khuyết tật hòa nhập	Năm học 2023-2024. Trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định theo Điều lệ Trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; Kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học [H1-1.6-02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý văn bản [H1-1.6-05].

Hàng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định, định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và các quy định hiện hành [H1-1.6-04].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục. Có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-04]. Trong 05 năm vừa qua, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán các cấp [H1-1.2-09].

Mức 2:

Trong những năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-06]; hồ sơ công việc [1.6-07]; phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia [1.6-08]; phần mềm phổ cập [1.6-09]; Website trường mầm non xã Muồng Pòn [1.1-03].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.2-09].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật, đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ, được lưu trữ đảm bảo theo quy định của Luật Lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các hoạt động quản lý, chăm sóc và giáo dục trẻ được nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản đem lại hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ của trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo việc lưu trữ hồ sơ sổ sách của nhà trường theo quy định. Lập kế hoạch dự toán ngân sách để huy động các nguồn lực, tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương. Hàng năm xây dựng kế	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán	Xây dựng kế hoạch có phê duyệt của PGD&ĐT	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ, đưa ra các nội dung, nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV phù hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-03].

32/32 CBQL, GV, NV và người lao động được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 10, Điều 29 Điều lệ trường mầm non như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định, được bảo vệ nhân phẩm danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.2-09]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp cụ thể phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo [H1-1.2-09]. Tăng cường công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho trẻ [H1-1.7-01]. Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo quy định. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV, phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Đồng thời đảm bảo cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được hưởng các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBQL, GV, NV phù hợp với năng lực, trình độ của từng người trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ của nhà trường.	BGH	Điều lệ trường mầm non, Các VB hướng dẫn và điều kiện thực tế của nhà trường.	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
Tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.				

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời về chính sách cho CBQL, GV, NV. Trong các ngày lễ tết, nhà trường cùng Công đoàn quan tâm động viên kịp thời cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt ủng hộ giáo viên có hoàn cảnh khó khăn.	Hiệu trưởng, các tổ chức nhà trường	Điều lệ trường mầm non, Các VB hướng dẫn và điều kiện thực tế của nhà trường	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
--	-------------------------------------	--	--	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào số liệu phổ cập, vào chỉ tiêu kế hoạch do UBND huyện giao xây dựng kế hoạch tuyển sinh và giao số lượng học sinh về các nhóm, lớp đảm bảo theo kế hoạch. Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường [H1-1.1-02], xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo năm học [H1-1.6-02], kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em của các lớp [H1-1.5-02]. Năm học 2023-2024 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về văn bản hợp nhất ban hành Chương trình giáo dục mầm non, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.2-04].

Hàng năm tổ chức thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo năm học đảm bảo. Chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường của ngành và địa phương đảm bảo hiệu quả cao trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các hoạt động giáo dục được đổi mới theo hướng "lấy trẻ làm trung tâm" [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.8-01].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường tiến hành thẩm định, đánh giá chương trình giáo dục nhà trường theo định kỳ [H1-1.2-04], xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ để kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-01]. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt giải cao [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường xây dựng Chương trình giáo dục bám sát chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường. Giáo viên thực hiện thống nhất giữa kế hoạch của nhà trường với kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp, phù hợp với từng độ tuổi của nhóm lớp. Các hoạt động giáo dục được đổi mới theo hướng "lấy trẻ làm trung tâm". Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch điều chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng và triển khai thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo	Cán bộ quản lý, cốt cán	Phương hướng chiến lược phát triển nhà, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của các cửa	Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo.	Không

		nhóm lớp		
Tiếp tục xây dựng KH chăm sóc nuôi dưỡng GD theo năm học và rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế.	Cán bộ quản lý, cốt cán	Chương trình GD nhà trường và các nhóm lớp, kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-04], quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản [H1-1.9-01], thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-09].

Trong những năm qua nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.2-09]; [H1-1.9-01].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát

việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường như: Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ; việc công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ; tài chính, tài sản; các kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-05]. Ban thanh tra nhân dân giám sát thi đua, nâng lương, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBQL, GV, NV và kết quả thu chi các khoản xã hội hóa giáo dục một cách công khai trên bảng tin, webside và báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [1.1-03]; [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo và có những biện pháp, cơ chế giám sát của các tổ chức, đoàn thể góp phần đảm bảo việc thực hiện các hoạt động công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	Cán bộ quản lý	Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường.	Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo.	Không
Nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình của mỗi cá nhân trong xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ,	Cán bộ quản lý, các tổ chức,	Các quy chế, nội quy trong nhà trường.	Năm 2023-2024 và trong các năm học	Không

mục tiêu phát triển của nhà trường. Phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường và nhân dân trên địa bàn trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	đoàn thể		tiếp theo.	
---	----------	--	------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo An ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng đầy đủ các phương án thực hiện theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]. Phương án trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; Phương án

phòng cháy, nổ, cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-04]; Phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; Phương án phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.10-07]; Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường và kí cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể [H1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng số: 0985.289.223 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09]. Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-09].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Phương án trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; Phương án phòng cháy, nổ, cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-04]; Phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; Phương án phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.10-07], thông qua các cuộc họp, qua hệ thống bảng công khai, tuyên truyền của nhà trường [1.1-03]. Phối hợp với Công an xã, công an huyện trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường tổ chức cho CBQL, GV, NV tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04].

Nhà trường thường xuyên nắm bắt tình hình, kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường theo quy định. Các phương án đó được phổ biến, hướng dẫn toàn thể CBQL, GV, NV, học sinh, thực hiện có hiệu quả. Có hòm thư góp ý để ở nơi

thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trẻ bị kỳ thị, bạo lực và bị những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường. Có đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng các phương án đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường	BGH	Các văn bản chỉ đạo và điều kiện CSVC thực tế của nhà trường	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục thông báo rộng rãi số điện thoại đường dây nóng của nhà trường tới phụ huynh và nhân dân trên địa bàn	BGH, GV, VN	Gv trên các điểm trường	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường Mầm non xã Mường Pồn đã xây dựng kế hoạch đề ra phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được cụ thể hóa thành kế hoạch phát triển nhà trường được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo từng năm học phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện của địa phương. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ của từng tổ chức. Có Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng gắn với các hoạt động của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các hội đồng tự rà soát, đánh giá, hoạt động theo định

kỳ, có đề nghị ý kiến điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường và địa phương.

Trường có 04 nhóm trẻ, 10 lớp mẫu giáo đảm bảo số lượng theo quy định, 11/14 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi, 3/14 lớp mẫu giáo ghép và 100% các nhóm lớp được học 2 buổi/ngày, tuy nhiên do đặc điểm phân bố dân cư của dân cư và khoảng cách các điểm trường xa trung tâm, tỉ lệ sinh các con không đồng đều, tính đến thời điểm hiện tại tại nhà trường còn có 3 lớp mẫu giáo ghép.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ, hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV. Phân công, sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế dân chủ và đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an toàn trường học. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trẻ bị kỳ thị, bạo lực và bị những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường. Có đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 10/10
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 10/10
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 5/5
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ

đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hàng năm. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số: 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm

non. Hiệu trưởng Nguyễn Thị Điện có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 38 năm (đã nghỉ hưu từ 01/11/2022). Hiệu trưởng Chu Thị Hải Yến nhận công tác tại trường mầm non xã Mường Pôn từ ngày 15/04/2023, có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 18 năm, 02 phó hiệu trưởng thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 17 năm [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01]. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có trình độ đào tạo trên chuẩn, có bằng trung cấp lý luận chính trị. Hiệu trưởng Chu Thị Hải Yến có bằng Đại học quản lý giáo dục, 02 phó hiệu trưởng hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; điều hành tốt các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-02].

Hàng năm từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020 -2021 Hiệu trưởng Nguyễn Thị Điện được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá trở lên Hiệu trưởng Nguyễn Thị Điện 03 năm liên được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá: Năm học 2018-2019; năm học 2019-2020; năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 đạt mức tốt. Năm học 2022-2023 Hiệu trưởng Chu Thị Hải Yến được đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức tốt. Các phó Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại đạt mức khá trở lên cụ thể: Phó hiệu trưởng Vũ Thị Sơn Ca trong năm học 2019 - 2020 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức tốt; các năm học (2018-2019; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023) đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu đạt mức khá. Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Thu Trang trong năm học 2020-2021 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức tốt, các năm học (2018-2019; 2019-2020; 2021-2022; 2022-2023) đánh giá chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức khá [H2-2.1-03].

Hàng năm cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H1-1.7-02].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng Nguyễn Thị Điện có 03 năm được đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá trong các năm học (2018-2019; 2019-2020; 2020-2021) và 01 năm học 2021-2022 đạt mức tốt. Hiệu trưởng Chu Thị Hải Yến có 01 năm được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng đạt mức tốt (năm học 2022-2023). Các Phó hiệu trưởng trong 5 năm liên tiếp được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non: Phó hiệu trưởng Vũ Thị Sơn Ca Năm học 2019-2020 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức tốt; năm học 2018-2019; năm học 2021-2022; năm học 2022-2023 được đánh giá xếp

loại chuẩn phó hiệu đạt mức khá. Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Thu Trang: năm học 2020-2021 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức tốt; năm học 2018-2019; năm học 2019-2020; năm học 2021-2022; năm học 2022-2023 chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức khá [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-02], hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn các lớp chính trị theo quy định [H1-1.7-02]. Trong quá trình công tác, cán bộ quản lý luôn nhận được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường, đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.1-04].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng xếp loại ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non cụ thể như sau: Hiệu trưởng Nguyễn Thị Điện được đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá trong các năm học (2018-2019; 2019-2020; 2020-2021) và 1 năm học 2021-2022 đạt mức tốt. Hiệu trưởng Chu Thị Hải Yến, năm học 2022-2023 được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng đạt mức tốt. Các Phó hiệu trưởng trong 5 năm liên tiếp được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non: Phó hiệu trưởng Vũ Thị Sơn Ca Năm học 2019-2020 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức tốt; năm học 2018-2019; năm học 2021-2022; năm học 2022-2023 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu đạt mức khá. Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Thu Trang: năm học 2020-2021 được đánh giá xếp loại chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức tốt; năm học 2018-2019; năm học 2019-2020; năm học 2021-2022; năm học 2022-2023 chuẩn phó hiệu trưởng đạt mức khá [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm được đánh giá có 03 năm hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng xếp loại khá, 02 năm xếp loại tốt, các Phó hiệu trưởng trong 5 năm liên tiếp được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Trong quá trình công tác cán bộ quản lý luôn được tập thể giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng nâng cao về nghiệp vụ quản lý giáo dục, phát huy khả năng sáng tạo trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường MN xã Mường Pồn	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non.	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không
Hiệu trưởng tích cực bồi dưỡng học tập để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, phân đầu được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.	Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục.	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên******Mức 1:***

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định, hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc; Năm học 2023 – 2024, nhà trường có tổng số 21 giáo viên/14 nhóm, lớp. Có 4 nhóm trẻ trong đó 1/4 nhóm có 01 giáo viên/nhóm; 10 lớp mẫu giáo trong đó 6/10 lớp có 01 giáo viên/lớp, tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp. Do số lượng trẻ các điểm trường ít nên nhà trường bố trí số lượng giáo viên/lớp đảm bảo theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. [H1-1.6-01]; [H1-1.7-03].

Nhà trường có 20/21 giáo viên có trình độ Đại học, đạt tỷ lệ 95,2%; 01 giáo viên đạt trình độ cao đẳng, chiếm 4,8% [H2-2.2-01].

Hằng năm có từ 95% đến 100% giáo viên được nhà trường đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên cụ thể: được xây dựng kiên cố; năm học 2019-2020 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 15,8%, ở mức khá là 78,9%, ở mức đạt chiếm 5,3%; năm học 2020-2021 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 45%, ở mức khá là 50%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2021-2022 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 33,3%, ở mức khá là 66,7%; năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 57,1%, ở mức khá là 42,9% [H2-2.2-02].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường động viên và tạo điều kiện cho giáo viên có trình độ chuẩn tham gia học lớp nâng chuẩn Đại học. Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm đánh giá tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn về trình độ đào tạo được duy trì ổn định, tăng dần theo lộ trình phù hợp. Tính đến thời điểm hiện tại tổng số giáo viên có trình độ trên chuẩn 20/21 đạt 95,2% [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có từ 95% đến 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên: năm học 2018-2019 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 32%, ở mức khá là 63%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2019-2020 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 15,8%, ở mức khá là 78,9%, ở mức đạt chiếm 5,3%; năm học 2020-2021 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 45%, ở mức khá là 50%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2021-2022 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 33,3%, ở mức khá là 66,7%; năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 57,1%, ở mức khá là 42,9% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-09].

Mức 3

Nhà trường có 20/21 giáo viên có trình độ Đại học, đạt tỷ lệ 95,2%; 01 giáo viên đạt trình độ cao đẳng, chiếm 4,8% [H1-1.6-01]; [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 95,2% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-01] cụ thể: năm học 2018-2019 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 32%, ở mức khá là 63%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2019-2020 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 15,8%, ở mức khá là 78,9%, ở mức đạt chiếm 5,3%; năm học 2020-2021 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 45%, ở mức khá là 50%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2021-2022 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 33,3%, ở mức khá là 66,7%; năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 57,1%, ở mức khá là 42,9%.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn ở mức cao 95,2%. Hàng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc, 95,2% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong 05

năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 21/21 giáo viên qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, thăm lớp dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Tạo điều kiện cho 01 giáo viên đã đăng ký tham gia học tập để nâng cao trình độ trên chuẩn.	Đội ngũ giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hiện tại nhà trường có tổng số 8 nhân viên trong đó: gồm 01 nhân viên kế toán biên chế; 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm, 02 nhân viên bảo vệ hợp đồng theo Nghị định 111 và 04 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn. Số lượng nhân viên đủ theo quy định, đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.6-04]; [H1-1.7-03].

Nhân viên được Hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế của từng đồng chí [H1-1.6-04]; [H1-1.7-03].

100% nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, đúng nội quy, quy chế chuyên môn. Công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường. Hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2

Theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Nhà trường có 8 nhân viên kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, trong đó có 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm và 04 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.6-04]; [H1-1.7-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01].

Mức 3

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp trung cấp, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ đa khoa, nhân viên bảo vệ có chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan [H2-2.3-02]. Nhân viên nấu ăn của nhà trường đã được tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng về vệ sinh ATTP và được nhà trường xác nhận tập huấn kiến thức về VSATTP [H2-2.3-03]. Tuy nhiên nhân viên nấu ăn của nhà trường chưa có chứng chỉ nấu ăn.

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm các nhân viên luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

Hàng năm nhân viên y tế được bồi dưỡng về công tác y tế, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán [H2-2.3-02], nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm [H2-2.3-03], nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên	Phân công nhiệm vụ	Trong năm học 2023-2024	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	Cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nấu ăn	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm	Trong năm học 2023-2024	Không
Vận động nhân viên nấu ăn tham gia lớp bồi dưỡng chứng chỉ nghề nấu ăn để đảm bảo	Nhân viên nấu ăn	Lớp tập huấn chứng chỉ nghề nấu	Năm học 2024-2025 và những năm	Không

theo quy định		ăn	tiếp theo	
---------------	--	----	-----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục 18 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được xếp loại chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn 95,2% Hằng năm 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên.

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên nhân viên hợp đồng của nhà trường đều là hợp đồng ngắn hạn chưa có chứng chỉ nấu ăn. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

* Kết quả tự đánh giá

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 3/3
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 3/3
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 3/3
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường cơ bản đáp ứng đảm bảo yêu cầu dạy và học của nhà trường. Trung tâm và các điểm trường có đủ diện tích đất sử dụng với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa gọn gàng, có không gian cho trẻ hoạt động vui chơi trải nghiệm. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây và hàng rào B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động chăm

sóc giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng theo hướng bán kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây giành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 4.215,8 m². Trong đó, điểm trường Trung tâm (bản Co Chạy) 1.256m²; Điểm Mường Pồn: 1.182,3m²; điểm trường Pá Chả 484,3m², điểm Đỉnh Đèo 323,2m², điểm Huổi Un 970m². Tổng số

trẻ toàn trường là 283 trẻ, bình quân $14,9\text{m}^2/\text{trẻ}$ đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

Có công trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non; trung tâm và các điểm trường có tường xây và tường rào B40 bao quanh vững chắc. Khuôn viên nhà trường đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát, phù hợp cảnh quan môi trường giáo dục trẻ mầm non, môi trường thân thiện an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02]; [3.1-03].

Trường có 05 sân chơi ở trung tâm và các điểm trường với tổng diện tích là 1367m^2 (bình quân $4,8\text{m}^2/\text{trẻ}$) được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp; (sân chơi của trung tâm trường và điểm trường Đình Đào được lát gạch chống trơn, 03 điểm trường Huồi Un, Pá Chả, Mường Pồn là sân bê tông). Tất cả các sân chơi đều bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, được sử dụng để tổ chức các hoạt động tập thể đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Có hiên chơi rộng rãi thoáng mát phục vụ cho hoạt động vui chơi và học tập của trẻ; các nhóm/lớp có hành lang đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho việc đưa, đón, sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp, tất cả trẻ được sử dụng, có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường [3.1-02]; [3.1-03].

Mức 2

Nhà trường có diện tích công trình xây dựng là 1627m^2 , diện tích sân vườn và giao thông nội bộ $2588,8\text{m}^2$ bình quân ($9,1\text{m}^2/\text{trẻ}$), đảm bảo quy định theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT về Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. [H3-3.1-01].

Trung tâm và các điểm trường đều có tường xây và tường rào B40 bao quanh vững chắc đảm bảo an toàn cho trẻ, có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá, học tập [3.1-03].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ có rào chắn bao quanh đảm bảo an toàn [H1-1.6-04]; [3.1-03].

Mức 3

Trung tâm và 4/4 điểm trường có sân vườn, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do BGD&ĐT ban hành. Hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục

phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.6-04]; [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng, diện tích sàn xây dựng đảm bảo theo quy định. Có cổng, biển tên trường, khuôn viên trung tâm và các điểm trường có tường xây và tường rào B40 bao quanh vững chắc đảm bảo an toàn cho trẻ; trung tâm và 04 điểm trường đều có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung, sân chơi - cây xanh được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn đảm bảo cho tất cả trẻ sử dụng. cây cảnh, có vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập; có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo đủ theo quy định. Có phòng và khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định và phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Báo cáo Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực trạng cơ sở vật chất của nhà trường. Lập tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân xã cấp bổ sung đất để mở rộng diện tích đất.	CBQL GVNV	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất. Kinh phí	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	700 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 14 phòng học/14 nhóm, lớp, trong đó nhóm trẻ 25-36 tháng có 04 phòng; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có 02 phòng; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi có 02 phòng; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi có 03 phòng; lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi có 01 phòng; lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi có 02 phòng [H1-1.6-04]; [3.1-03].

Nhà trường có 14 phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ cho 14 nhóm/lớp vừa để tổ chức các hoạt động học, chơi vừa tổ chức ăn cho trẻ. Có 01 phòng giáo dục thể chất tại điểm trường Mường Pôn và 01 khu giáo dục thể chất tại trung tâm trường, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, tăng âm, loa đài, giá vẽ...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ; có 01 phòng thư viện và khu vực cho trẻ hoạt động đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [3.1-03].

Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện, đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động khác của trường, Có đầy đủ phương tiện và dụng cụ phòng cháy đảm bảo theo các quy định hiện hành. Có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [H1-1.6-04]; [3.1-03]; [H3-3.2-01].

Mức 2

Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em diện tích trung bình 40m²/phòng, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các phòng thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ hệ thống tủ đựng các đồ dùng, thuận tiện phục vụ cho trẻ khi sử dụng, được phân thành các khu chức năng: Có hiên chơi phía trước được sử dụng làm nơi tổ chức ăn và các hoạt động chơi; có 04 kho nhóm/lớp tại điểm trường Huổi Un, điểm Đỉnh Đèo, điểm Pá Trá được bố trí liền kề để chứa đồ

dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập của trẻ. Có 01 phòng ngủ cho trẻ nhà trẻ tại điểm Pá Trá, diện tích 30m^2 , trung bình $2,14\text{m}^2/\text{trẻ}$, có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Phòng giáo dục thể chất có diện tích 60m^2 và khu giáo dục thể chất diện tích 100m^2 , phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 60m^2 ; có 01 phòng thư viện diện tích 30m^2 có đầy đủ đồ dùng, thiết bị, tài liệu, sách, tranh truyện đảm bảo theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng cho cô và trẻ [H3-3.2-01].

14/14 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [H1-1.6-04]; [H3-3.2-01].

Mức 3

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em tương ứng với số nhóm lớp, được xây dựng kiên cố và phân chia các phòng theo chức năng: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, khu vệ sinh, hiên chơi, đảm bảo theo quy định và phòng ngủ riêng đối với các nhóm trẻ. Các phòng có đủ ánh sáng tự nhiên đảm bảo cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, có đủ hệ thống đèn, quạt, tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, bàn ghế và các thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Khu giáo dục thể chất, phòng thư viện và phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có đủ phòng ngủ cho trẻ nhà trẻ và phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	Cán bộ quản lý	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch xã hội hóa giáo dục; tờ trình	Năm học 2023-2024	200 triệu đồng

Tham mưu với chính quyền địa phương lập kế hoạch, tờ trình xin mở rộng diện tích đất ở trung tâm để xây dựng thêm phòng ngủ cho trẻ nhà trẻ và phòng làm quen với ngoại ngữ, tin học.	CBQL, GV, NV	Tờ trình	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	500.triệu đồng
---	--------------	----------	--	----------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho CBQL, GV, NV được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho CBQL, GV, NV có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có các phòng theo quy định, gồm có: 01 văn phòng trường, 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng nhân viên, 01 phòng bảo vệ, 01 khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV đảm bảo diện tích theo quy định, có khu để xe cho CBQL, GV, NV tại trung tâm và các điểm trường; có các phòng khối phụ trợ: 01 phòng họp, 01 phòng y tế, nhà kho [3.1-03].

Các phòng có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho CBQL, GV, NV họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng, bảng biểu theo dõi sức khỏe cho trẻ. Có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; phòng họp được trang bị đầy đủ các thiết bị để làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên, phòng hành chính quản trị có đầy đủ thiết bị theo quy định; phòng bảo vệ có đồng hồ, sổ ghi chép; phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [H1-1.6-04]; [3.1-03].

Trung tâm và 04 điểm trường có khu để xe dành cho CBQL, GV, NV, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an ninh trật tự [3.1-03].

Mức 2

Các khối phòng hành chính quản trị: văn phòng trường diện tích 60m², Phòng họp diện tích 40m², phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng nhân viên, diện tích mỗi phòng 20m²/phòng, phòng bảo vệ diện tích 15m², khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV đảm bảo diện tích, phòng y tế diện tích 20m², nhà kho 40m² [3.1-03].

Trung tâm và 04 điểm trường đều có khu để xe giành cho CBQL, GV, NV, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý, có đủ chỗ để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, đảm bảo an toàn, trật tự [3.1-03].

Mức 3

Nhà trường có đủ các phòng đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non; có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho các hoạt động theo chức năng của từng phòng [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT gồm: Văn phòng trường, phòng họp, phòng hiệu trưởng, phòng các phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV. Các phòng đều đảm bảo diện tích, có đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc, biển tên, biểu bảng phù hợp với mỗi loại phòng. Trung tâm và các điểm trường có khu để xe cho CBQL, GV, NV...

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao	CBQL, GV, NV.	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí.	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.				
Tham mưu với UBND huyện, xã, phòng giáo dục và Đào tạo xin mở rộng diện tích đất để xây dựng mở rộng các phòng và khu vực để xe giành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	Cán bộ quản lý, lãnh đạo UBND huyện, xã, phòng giáo dục và Đào tạo	Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn	Năm 2024 - 2025 và những năm tiếp theo	1 tỷ đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 02 bếp ăn (trung tâm và điểm trường Huổi Un) được xây dựng bán kiên cố với tổng diện tích 02 bếp 88m² trung bình 0,31m²/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và hoạt động theo quy trình một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm, có 02 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có đủ nước sạch sử dụng, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định đảm bảo. Có đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đồ dùng và các thiết bị nhà bếp đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác thải đảm bảo hợp vệ sinh [3.1-03].

Có kho chứa thực phẩm tại trung tâm được để các loại lương thực, thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-08]; [3.1-03].

Trung tâm và điểm trường Huổi Un đều có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.1-03].

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. 02/02 Bếp ăn có tổng diện tích 88m² trung bình 0,31m²/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và hoạt động theo quy trình một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm, có 02 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Có đủ nước sạch sử dụng, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định đảm bảo. Có đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đồ dùng và các thiết bị nhà bếp đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác thải đảm bảo hợp vệ sinh [H1-1.6-04]; [H1-1.10-08]; [3.1-03].

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Nhà bếp độc lập với các khối phòng chức năng khác, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều có diện tích trung bình 0,31m²/trẻ [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 02 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố đảm bảo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT độc lập với các khối phòng chức năng khác, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, đảm bảo đủ diện tích được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Có kho để thực phẩm, lương thực được phân chia theo từng khu vực riêng biệt, có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh, có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác thải đảm bảo hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	---------------------------	-------------------------------	----------------------------	-------------------------

Tiếp tục tham mưu với cấp ủy chính quyền mở rộng diện tích đất, để mở rộng bếp ăn cho trẻ. Tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường Mầm non đạt hiệu quả cao.	Cán bộ quản lý	Kế hoạch vận động tài trợ, tờ trình	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	100 triệu đồng
---	----------------	-------------------------------------	--	----------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;*
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường và các nhóm, lớp có thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.2-01].

Nhà trường thường xuyên phát động phong trào tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định đều bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.1-02].

Hàng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên kiểm tra các thiết bị đồ dùng đồ chơi để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả tại các nhóm, lớp [H3-3.5-01]; [H1-1.6-04].

Mức 2

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H1-1.6-04].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, 14/14 nhóm, lớp có thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.2-09]; [H3-3.2-01].

Hàng năm, nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phục vụ cho các hoạt động giáo dục [3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục được giáo viên bảo quản tốt, khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-09]; [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm, lớp theo quy định. Hàng năm, nhà trường phát động đội ngũ giáo viên tham gia phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi tự tạo để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Hệ thống máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học, thường xuyên sửa chữa, bổ sung, nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra tài sản, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, GV, NV	Biên bản kiểm kê, bàn giao.	Đầu năm, cuối năm học các năm.	50 triệu đồng
Tham mưu với phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung thêm đồ dùng, đồ chơi thiết bị đồng bộ theo Thông tư và đồ chơi ngoài trời cho trung tâm và các điểm trường.	Cán bộ quản lý	- Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020. - Tờ trình	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	300 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trung tâm trường có 02 nhà vệ sinh cho trẻ em, 01 khu vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV. 4/4 điểm trường có khu vệ sinh dành cho cán bộ giáo viên và trẻ. Các nhà vệ sinh của trẻ và CBQL, GV, NV tại trung tâm và điểm trường được

xây dựng kiên cố và bán kiên cố, phân chia thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường, phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [3.1-03].

Nhà trường có hệ thống thoát nước kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường. Hệ thống nước sạch, nước giếng khoan sạch sẽ có bình lọc nước bằng gốm đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành [H1-1.6-04]; [3.1-03].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý rác thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác, có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [3.1-03].

Mức 2

Khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp với cảnh quan, đảm bảo theo quy định. Tổng diện tích phòng vệ sinh cho trẻ là 140m^2 bình quân $0,49\text{m}^2/\text{trẻ}$. Phòng vệ sinh của trẻ ở trung tâm và 4 điểm trường được xây dựng liền kề thuận tiện cho việc sử dụng. Các phòng vệ sinh đều có vách ngăn giữa khu vệ sinh riêng cho trẻ trai, trẻ gái, vách ngăn cao 1,2m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu thuận tiện cho giáo viên có thể bao quát trẻ. Các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với từng độ tuổi thuận tiện cho việc sử dụng và thuận lợi cho trẻ khuyết tật: (Nhà trẻ có vòi nước rửa tay, có ghế ngồi bồn). Khu vực rửa tay của trẻ mẫu giáo được bố trí riêng đảm bảo 9 trẻ/1 chậu rửa. Trung tâm trường có tiểu treo dùng cho trẻ em trai và xí bột dùng cho trẻ em gái đủ theo quy định, thùng chứa nước có nắp đậy an toàn. Có khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV tại trung tâm và các điểm trường có nhà vệ sinh nam, nữ riêng biệt đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng không làm ảnh hưởng môi trường, có đầy đủ các thiết bị để sử dụng [3.1-03].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ giếng khoan, nước tự nhiên, nước lọc. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT-BGDDT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có

thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung [H1-1.6-04]; [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các nhà vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV được xây dựng kiên cố và bán kiên cố đảm bảo theo quy định, được phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, có đầy đủ các thiết bị cần thiết, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	Cán bộ quản lý, giáo viên	- Tờ trình. - Thông tư 45/2021/TT - BGDDĐT ngày 31/12/2021 Quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	5.600.000 đồng.
Tham mưu với các cấp lãnh đạo cấp kinh phí sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên tại các điểm trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên	- Tờ trình	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo.	50.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm, lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, lương thực có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, có đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hàng năm, Nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường. Tuy nhiên tại thời điểm đánh giá Nhà trường chưa có phòng ngủ cho trẻ nhà trẻ và phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học, khu để xe cho cán bộ giáo viên điểm trường trung tâm vị trí nhà xe chưa phù hợp.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 6/6
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 6/6
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 4/5
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 1/5

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Thực hiện chủ trương: “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình ăn, ngủ, vui chơi, học tập cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật

chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các nhóm lớp có ban đại diện cha mẹ học sinh của từng nhóm lớp, được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cụ thể Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường năm học 2023-2024 có 14 thành viên, gồm có 1 trưởng ban, 2 phó ban, 3 ủy viên và 8 thành viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo năm học và hoạt động theo quy định [H1-1.6-04].

Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường có kế hoạch hoạt động theo năm học, kế hoạch đưa ra thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong công tác phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tổ chức các hoạt động cho trẻ trải nghiệm (Làm đồ dùng đồ chơi, cùng phụ huynh và trẻ gói bánh chưng ngày tết, bé khỏe bé ngoan” [H4-4.1-01].

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Trong quá trình thực hiện tổ chức họp phụ huynh thảo luận, thống nhất mang lại hiệu quả cao trong công tác phối hợp [H1-1.6-04]; [H4-4.1-01].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; hoạt động tham quan; trải nghiệm; tổ chức các ngày lễ trong năm như: tổ chức tết trung thu; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm... Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ hộ nghèo. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ

trương, chính sách về giáo dục đối với một số cha mẹ trẻ hiệu quả chưa cao. [H1-1.2-09]; [3.1-02]; [H4-4.1-02].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường thực hiện có biện pháp phối hợp giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động trẻ đi học chuyên cần, phối hợp giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh. Phối hợp với nhà trường huy động các nguồn lực hợp pháp và huy động ngày công lao động để tu sửa cơ sở vật chất tôn tạo cảnh quan môi trường tại trung tâm và 4 điểm trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-09]; [H4-4.1-02].

Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định, có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Tích cực hỗ trợ nhà trường tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với một số cha mẹ trẻ hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức họp phụ huynh học sinh của các lớp/trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh	Cán bộ quản lý, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục để nâng cao nhận thức đối với cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau.	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chủ động, làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như: Xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì phổ cập giáo dục xóa mù chữ [H4-4.2-01].

Hàng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, bảng tin nhà trường, tuyên truyền qua loa phóng thanh của bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-09].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục [H4-4.2-01]. Huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường và nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục xây dựng cơ sở vật chất cụ thể như: Năm học 2019-2020 nhà trường đã thực hiện có hiệu quả công tác huy động XHH giáo dục để phát triển GDMN trong nhà trường. Cụ thể như trong năm học nhà trường đã xây được 01 phòng học mới tại điểm trường Huổi Un, được các mạnh thường quân, các tổ chức xã hội từ thiện tài trợ cho 58 bộ quần áo, 10 thùng bánh kẹo, 58 đôi dép, giấy bút, kéo, sách tập

tô, 40 áo phao, 40 mũ len, tất, 40 đôi dép, 40 quyển vở. Huy động được "Quỹ trò nghèo vùng cao" hỗ trợ bữa ăn trưa cho 97 trẻ nhà trẻ và trẻ MG không được hỗ trợ ăn trưa của nhà nước với mức 6.000/ngày/trẻ...Nhà trường trong năm huy động được hơn 200 công lao động của phụ huynh và bộ đội. Năm học 2020-2021 tích cực làm tốt công tác XHHGD, trong năm nhà trường huy động các nhà hảo tâm và mạnh thường quân ủng hộ các cháu có hoàn cảnh khó khăn. Trong năm nhà trường nhận được nguồn đóng góp nguồn vận động tài trợ với số tiền là 60.820.000 đồng; Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục xây dựng cơ sở vật chất cụ thể như: Tỉnh đoàn, huyện đoàn, Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh tặng 46 đôi dép và quà trung thu cho trẻ điểm Mường Pồn trị giá 5.000.000 đồng. Bác Hùng Hà Nội tặng 01 Tivi Sam sung 50 inch trị giá 15.000.000 đồng, 86 áo phao trị giá 8.600.000 đồng, 30 chăn phao trị giá 3.000.000 đồng. Đoàn Thanh niên Đoàn Biên Phòng Mường Pồn + Đoàn Thanh niên xã Mường Pồn + Đoàn Thanh niên Trường Mầm non Mường Pồn mua nguyên vật liệu và công lao động lát nền bếp, sân điểm Pá Trá và đổ lại nền sân điểm Huổi Un, nền sân điểm Mường Pồn trị giá 55.000.000 đồng. Huy động được "Quỹ trò nghèo vùng cao" hỗ trợ bữa ăn trưa cho 92 trẻ nhà trẻ và trẻ MG không được hỗ trợ ăn trưa của nhà nước với mức 6.000/ngày/trẻ. Năm học 2021-2022 nhà trường nhận được nguồn đóng góp nguồn vận động tài trợ với số tiền là 70.620.000 đồng. Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục và nhận được sự hỗ trợ giúp đỡ từ các mạnh thường quân cụ thể như sau: Shop Quần áo Thu GiGi: 50 áo cho trẻ. Trị giá 5.000.000 đồng. Anh Toàn hội trưởng hội lái xe Điện Biên 317 áo, váy. Đoàn Thiện Tâm - Hà Nội 317 áo rét. Mỗi áo 100.000 đồng. tổng trị giá: 31.700.000 đồng. Đoàn Bùi Diệu Ninh 317 áo rét cho trẻ trị giá 31.700.000 đồng... Chị Hà Hải Dương 3.000.000 đồng tất niên...Đoàn Thiện nguyện Lan Nguyễn: 700kg gạo... Huy động được "Quỹ trò nghèo vùng cao" hỗ trợ bữa ăn trưa cho 81 trẻ nhà trẻ và trẻ MG không được hỗ trợ ăn trưa của nhà nước với mức 6.000/ngày/trẻ và 39 mẫu test Covid-19; 10 hộp khẩu trang. Năm học 2022-2023 nhà trường nhận được nguồn đóng góp nguồn vận động tài trợ với số tiền là 67.695.000 đồng, huy động được các nhà hảo tâm và mạnh thường quân ủng hộ các cháu có hoàn cảnh khó khăn: Đoàn từ thiện Hải Phòng tặng băng kẹo tất niên trị giá khoảng 10.000.000đ; Ban chỉ huy Đoàn Biên phòng Mường Pồn tặng áo phông cho học sinh trị giá khoảng 17.000.000đ; Đ/c Mai Trọng Thuyết phó ban tổ chức huyện ủy và các MTQ tặng 3 cái giếng khoan trị giá 90.000.000đ; Chùa Lương Phước tặng sữa, bánh kẹo tổ chức trung thu cho học sinh trị giá khoảng 42.000.000đ; Đoàn từ thiện Thái Nguyên tặng cây trồng trị giá 400.000đ; Đoàn từ thiện Hà Nội tặng 320 bộ quần áo cho học sinh ước trị giá 48.000.000đ; Cô giáo Lê Hà trường mầm non Thanh An và các MTQ tặng

chăn, áo phao, quà cho học sinh có bệnh hiểm nghèo trị giá 8.300.000đ; Đoàn Thanh niên xã Mường Pồn tặng đồ dùng học tập cho 01 trẻ KK trị giá 300.000đ; Đ/c Chào Anh Nguyên -Nguyên Bí thư đảng ủy xã Mường Pồn và MTQ tặng chăn, đệm cho học sinh ước trị giá 8.500.000đ; Trường MN Hishool- Hà Nội tặng 150 bát Inox trị giá 2.250.000đ,... Huy động được "Quỹ trò nghèo vùng cao" hỗ trợ bữa ăn trưa cho 82 trẻ nhà trẻ và trẻ MG không được hỗ trợ ăn trưa của nhà nước với mức 6.000/ngày/trẻ [H1-1.2-09].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; hoạt động trải nghiệm; tu sửa cơ sở vật chất nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ như: Chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, trẻ dân tộc [H1-1.2-09]; [H4-4.2-01].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường như: Đoàn thanh niên, Công đoàn để tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như: Ngày 20/10, 20/11, 8/3, Ngày hội đến trường của bé, tổ chức trung thu cho trẻ, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [H1-1.2-09]; [3.1-02].

Mức 3

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng theo tiêu chí cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa, phối hợp có hiệu quả với chi bộ, công đoàn nhà trường, các cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	Cán bộ quản lý	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể	Năm học 2023-2024	Không
Tăng cường công tác phối hợp với các tổ chức cá nhân, các đoàn thể để tổ chức các hoạt động lễ hội, các sự kiện theo kế hoạch phù hợp với truyền thống của địa phương.	Cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền	Năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hằng năm, nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục thông qua các cuộc họp với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường thực hiện hiệu quả công tác tham mưu tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương và huy động ngày công lao động của hội phụ huynh học sinh, tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 2/2
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 2/2
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 2/2
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua.

Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời thực hiện phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với Trạm Y tế xã Mường Pồn thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Hằng năm, Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương.*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, cán bộ quản

lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương [H1-1.6-02]. Sau khi hội đồng thẩm định nhất trí chương trình giáo dục được nhà trường công khai trên trang Webside của trường [1.1-03]; [H1-1.2-04]. Trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học/tháng/chủ đề/tuần/ngày và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch [H1-1.5-02].

Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được nhà trường phát triển thực hiện phù hợp với thực tế của địa phương, lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp, của nhà trường, khả năng nhận thức của trẻ và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02]. Nhà trường có kế hoạch tăng cường tiếng Việt giai đoạn 2016-2020; 2021-2025 phù hợp với thực tế vùng miền, địa phương [H5-5.1-01].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non thông qua hội đồng thẩm định chương trình vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm, đánh giá trẻ hàng ngày, chủ đề, tròn tháng, cuối mỗi độ tuổi. Từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với trẻ [H1-1.2-04]; [H5-5.1-02].

Mức 2

Căn cứ vào chương trình khung của BGD&ĐT Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng phù hợp với tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ [H1-1.6-02]. Triển khai kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả [H1-1.5-02]; [H5-5.1-02].

Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, lựa chọn các mục tiêu, nội dung, xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với thực tiễn của địa phương, điều kiện của nhóm lớp, điều kiện của nhà trường đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ của trẻ [H1-1.6-02].

Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình Giáo dục Steam của Mỹ nhưng hiệu quả chưa cao do chưa đảm bảo các điều kiện về nhân lực và vật lực [H1-1.6-02].

Hàng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với thực tế

của nhà trường, trên cơ sở tham khảo chương trình Giáo dục Steam của Mỹ. Định kỳ có đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Hằng năm, nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường đã áp dụng chương trình Giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới nhưng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non quốc gia do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán.	Chương trình giáo dục mầm non; bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Khuyến khích giáo viên tham khảo, nghiên cứu, bồi dưỡng và áp dụng chương trình Giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới vào tổ chức các hoạt động phù hợp thực tiễn của nhà trường, địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn giáo viên cốt cán	Bồi dưỡng chuyên môn Cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục rà soát, đánh giá định kỳ, hàng năm, điều chỉnh kế hoạch phù hợp từng nhóm lớp	Cán bộ quản lý, giáo viên	Tự bồi dưỡng chuyên môn, tham khảo qua hệ thống công nghệ thông tin	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ **Mức 1:**

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng các phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện nhà trường [H1-1.5-02].

Nhà trường xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Thư viện thân thiện, Khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động; khu vui chơi, tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội vui chơi, khám phá, trải nghiệm, sáng tạo [3.1-02]; [H5-5.2-01].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động học, hoạt động chơi, lao động tự phục vụ, tham quan di tích lịch sử [H1-1.5-02]; [3.1-02].

Mức 2

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Thư viện thân thiện, Khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động; khu vui chơi; chăm sóc vườn rau, vườn hoa, quan sát

sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi, các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [H1-1.5-02]; [3.1-02].

Mức 3

Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” như: Thư viện thân thiện; khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động; chăm sóc vườn rau, vườn hoa, quan sát sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường. Tích cực tôn tạo cảnh quang môi trường, xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với điều kiện thực tế. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng và triển khai áp dụng có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Điều kiện thực tế của nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường, giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có cân nặng và chiều cao bình thường đạt 95% trở lên. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Hằng năm, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học như: Khám chuyên khoa 1-2 lần/năm, cho trẻ uống vitamin A, thuốc tẩy giun, khám răng, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa trên bản tin, zalo của các nhóm lớp, đo thân nhiệt, tuyên truyền phụ huynh cho trẻ tiêm phòng dịch bệnh [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ hằng năm về cân nặng kênh bình thường đạt 95% trở lên, chiều cao kênh bình thường chiếm 95% trở lên, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 98% trở lên [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Ngay từ đầu các năm học, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, béo phì ở các lớp. 100% trẻ suy dinh dưỡng, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp

và được cải thiện. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 615- 726 Kcal, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, phát triển thể chất và tinh thần trẻ em thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường, các lớp, trao đổi trực tiếp vào giờ đón và trả trẻ [H1-1.2-09].

Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường gồm: Trẻ nhà trẻ hai bữa chính và một bữa phụ, mẫu giáo một bữa ăn chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa và tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 [H1-1.6-04].

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được nhà trường quan tâm, can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý đối với từng trẻ. Có kế hoạch luyện tập phù hợp. Về cân nặng: cân nặng kênh bình thường đạt 95,4%, chiều cao kênh bình thường đạt 95,1%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 100%. Có biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi ở các lớp. Tính đến thời điểm hiện tại tỉ lệ cân nặng kênh bình thường so với đầu năm đã tăng lên được 8,3%; Chiều cao bình thường so với đầu năm đã tăng lên 8,8%. [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Mức 3

Hàng năm, nhà trường đều đánh giá chất lượng chăm sóc Kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ hàng năm về cân nặng và chiều cao đạt 95% trở lên, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 98% trở lên, cụ thể như sau: Năm học 2019-2020 cân nặng kênh bình thường đạt 95,1%, chiều cao kênh bình thường đạt 95%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 99%. Năm học 2020-2021 cân nặng kênh bình thường đạt 95%, chiều cao kênh bình thường đạt 95%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 100%. Năm học 2021-2022 cân nặng kênh bình thường đạt 96%, chiều cao kênh bình thường đạt 96%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 99%. Năm học 2022-2023 cân nặng kênh bình thường đạt 96,3%, chiều cao kênh bình thường đạt 96,3%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 99,7%. Tính đến thời điểm đánh giá năm học 2023-2024 (T3/2024) cân nặng kênh bình thường đạt 95,8%, chiều cao kênh bình thường đạt 95%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 100% [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt khá cao. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tình trạng suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ được cải thiện so với đầu năm học, về cân nặng: suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 41 trẻ, chiếm 14,4% đã phục hồi được 31/41 trẻ, đến thời điểm đánh giá còn 10 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 5%; về chiều cao: suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu năm 38 trẻ, chiếm 13,3%, đã phục hồi được 26/38 trẻ, đến thời điểm đánh giá còn 12 trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 5,6%.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với trạm y tế xã Mường Pồn khám chuyên khoa, tổ chức tiêm phòng dịch bệnh, uống vitamin A, tẩy giun.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Mường Pồn	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ	Kế hoạch y tế	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục thực hiện kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho trẻ để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 3% đến cuối năm học	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ	Kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng của trường, các lớp	Trong năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% đến 98%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%. Tuy nhiên vào các thời điểm dịch bệnh Covid-19 diễn ra tỷ lệ trẻ chuyên cần còn chưa cao [H5-5.3-05].

100% trẻ 5 tuổi hằng năm đều hoàn thành chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tại thời điểm đánh giá nhà trường có 71 trẻ 5 tuổi đang học chương trình giáo dục mầm non tại nhà trường [H5-5.3-05]; [H5-5.4-01].

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 1/1 trẻ khuyết tật được học hòa nhập và đánh giá sự tiến bộ theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. (Riêng năm học 2022-2023 có 2/2 trẻ khuyết tật học hòa nhập và các năm còn lại mỗi năm có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập) được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân và đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật [H1-1.5-03].

Mức 2

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần. Hằng năm tỷ lệ chuyên cần toàn trường của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% đến 98% trở lên, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100% [H5-5.3-05].

Hàng năm, 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 71 trẻ 5 tuổi đang học chương trình giáo dục mầm non tại trường [H5-5.4-01].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 1/1 trẻ khuyết tật được học hoà nhập và đánh giá sự tiến bộ (Riêng năm học 2022-2023 có 2/2 trẻ khuyết tật học hoà nhập và các năm còn lại mỗi năm có 01 trẻ khuyết tật học hoà nhập) được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân và đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật. Hàng năm 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập đều có hồ sơ theo dõi và được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1.5-03].

Mức 3

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hoàn thành chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành [H5-5.4-01];

1/1 trẻ khuyết tật được học hoà nhập và đánh giá sự tiến bộ [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp, duy trì trẻ chuyên cần đạt tỷ lệ cao. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% đến 98% trở lên, trẻ mẫu giáo 5 tuổi tỉ lệ chuyên cần và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

3. Điểm yếu:

Vào các thời điểm dịch bệnh Covid-19 diễn ra thì tỷ lệ trẻ chuyên cần còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh.	CBQL, GV, NV y tế	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Duy trì tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đảm bảo theo quy định	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương tuy nhiên

chưa áp dụng chương trình Giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám chuyên khoa, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá năm học 2023-2024 (T3/2024) cân nặng kênh bình thường đạt 95,8%, chiều cao kênh bình thường đạt 95%, cân nặng chiều dài/chiều cao kênh bình thường đạt 100%. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% đến 98% trở lên, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%. Việc xây dựng tổ chức môi trường giáo dục, hình thức giáo dục cho trẻ hoạt động của giáo viên linh hoạt, sáng tạo. Nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ đa dạng, phong phú.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 4/4
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 4/4
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 3/4
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 1/4

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1:

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo dựa trên văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với quy định chuyên môn, lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức

của trẻ em, văn hóa địa phương và triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi. Chương trình giáo dục đã góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi. Chương trình giáo dục nhà trường đã có sự tham khảo mô hình, phương pháp giáo dục Steam của Mỹ nhưng hiệu quả chưa cao do chưa đảm bảo các điều kiện về nhân lực và vật lực [H1-1.2-04]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Nhà trường trên cơ sở chương trình giáo dục mầm non do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em, văn hóa địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục và góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi.

3. Điểm yếu: Chương trình giáo dục nhà trường đã có sự tham khảo mô hình, phương pháp giáo dục Steam của Mỹ nhưng hiệu quả chưa cao do chưa đảm bảo các điều kiện về nhân lực và vật lực

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục Nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của trẻ, nhà trường và địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, trẻ em	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo có tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến (phương pháp giáo dục STEM)	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn giáo viên cốt cán	Cán bộ quản lý, giáo viên, kinh phí thực hiện	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	20.000.000đ
Chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện đánh giá kết quả phát triển của trẻ theo quy định để kịp thời có các biện pháp điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương và nhu cầu, hứng thú của trẻ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của trường	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 2:

Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 95,2% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên cụ thể: năm học 2018-2019 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 32%, ở mức khá là 63%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2019-2020 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 15,8%, ở mức khá là 78,9%, ở mức đạt chiếm 5,3%; năm học 2020-2021 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 45%, ở mức khá là 50%, ở mức đạt chiếm 5%; năm học 2021-2022 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 33,3%, ở mức khá là 66,7%; năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 57,1%, ở mức khá là 42,9% [H2-2.2-02].

Hàng năm, nhà trường luôn tổ chức cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 80,9% trong đó: Năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp huyện 7/21 giáo viên đạt 33,3%; giáo viên dạy giỏi cấp trường 10/21 giáo viên đạt 47,6%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Một số giáo viên trẻ mới ra trường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ còn hạn chế [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên vượt 20% so với yêu cầu trường vùng khó khăn, trong đó mức tốt đạt 57,1%. Chất lượng đội ngũ giáo viên được đánh giá đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu: Một số giáo viên trẻ mới ra trường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học	Trong năm học 2023-2024	Không

Tiếp tục tổ chức tốt hội thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi	Trong năm học 2023-2024	Không
Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở các nhóm lớp với nhiều hình thức các khác nhau: cấp tổ, cấp trường; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng về phương pháp giáo dục tiên tiến hiện nay	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường	Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3:

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại TT 13 về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế: Sân chơi chung diện tích 1367m² diện tích bình quân 4,8m²/trẻ đảm bảo cho trẻ hoạt động; sân chơi của nhà trường có các góc chơi như: Góc chơi với thiên nhiên, góc chơi với các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương, góc chơi với các thiết bị chơi ngoài trời; khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có các góc chơi tạo điều kiện cho trẻ khám phá, trải nghiệm như: góc địa phương, góc sách, góc thiên nhiên trẻ được trải nghiệm như chơi với sỏi đá, chơi nhóm kỹ năng xâu lùn, tô vẽ, tháo vắn nút chai, đan nan, chơi với các vật liệu thiên nhiên.....giúp trẻ phát triển toàn diện. Tuy nhiên sân chơi của nhà trường chưa có đường chạy dài, hồ cát và bể vầy nước, nhà trường có vườn rau cho trẻ chăm sóc khám phá: Trẻ được tham gia trồng trọt, nhổ cỏ, tỉa lá cây.... với tổng diện tích 135,6m² diện tích bình quân 0,4m²/trẻ đến 0,5m²/trẻ. Nhà trường có sân chơi chung dành cho trẻ tập thể dục và khu chơi các trò chơi vận động, khu chơi các trò chơi giao thông, có sân khấu ngoài trời đảm bảo quy định [3.1-02]; [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi diện tích đảm bảo theo quy định; có sân chơi chung cho trẻ hoạt động cụ thể: Trẻ chơi với góc thiên nhiên, góc chơi với các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương, góc chơi với các

thiết bị chơi ngoài trời; có các khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp cho trẻ khám phá, trải nghiệm giúp trẻ phát triển toàn diện; có vườn cây cho trẻ chăm sóc khám phá; có sân chơi chung dành cho trẻ tập thể dục và khu chơi các trò chơi vận động, khu chơi các trò chơi giao thông, có sân khấu ngoài trời đảm bảo quy định.

3. Điểm yếu: Sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài, hồ cát và bể vầy nước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh của tiêu chí và tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tạo, bố trí các khu vực sân chơi, sân vườn và các góc chơi, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế	CBQL, GV, NV	Kế hoạch	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	125.000.000 đ
Nhà trường huy động sự ủng hộ từ các mạnh thường quân, sự chung tay góp sức của phụ huynh, cộng đồng xã hội làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để làm đường chạy, hồ cát và bể vầy nước phục vụ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động khám phá trải nghiệm của trẻ.	CBQL, GV, NV	Kế hoạch XHHGD	Năm học 2024-2025	450.000.000đ

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 4:

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 77% các công trình được xây dựng kiên cố, 23% bán kiên cố. Trong đó khối phòng học và khối phòng phục vụ học tập kiên cố là 17/39 phòng; Khối phòng hành chính quản trị 9/39; khối phòng tổ chức ăn 2/39 phòng bán kiên cố, các công trình khối phòng khác: 11/39 cụ thể: Số công trình được xây dựng kiên cố 26/39 phòng kiên cố (khối phòng hành chính quản trị, khối

phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ); 2/39 phòng bán kiên cố (bếp, kho), các công trình khác là 11/39 công trình bán kiên cố (nhà vệ sinh và nhà để xe). Tuy nhiên nhà trường chưa có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em nhưng chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý [H1-1.6-04]; [3.1-03].

1. Điểm mạnh:

Nhà trường có 77% các công trình được xây dựng kiên cố.

2. Điểm yếu

Các công trình của nhà trường còn 23% phòng xây dựng bán kiên cố; chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; chưa có khu vực để tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên; Đảng ủy, Chính quyền địa phương xã Mường Pôn mở rộng diện tích đất để xây mới phòng tư vấn, tạo khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ	Cán bộ quản lý	Kế hoạch phát triển nhà trường; tờ trình xin mở rộng diện tích đất	Năm học 2025-2026; năm học 2026-2027	2 tỷ đồng
Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên; Đảng ủy, Chính quyền địa phương xã Mường Pôn đầu tư xây mới các công trình kiên cố, phòng tư vấn tâm lý, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường; tờ trình xin đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tờ trình bổ sung đồ dùng, trang thiết bị	Năm học 2028-2029; năm học 2029-2030	3 tỷ đồng
Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục kêu gọi các mạnh thường quân, nhà hảo tâm đầu tư xây mới các công trình kiên cố, khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch vận động tài trợ của nhà trường	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	1 tỷ đồng

tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.			theo	
--	--	--	------	--

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 5:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường; công tác xã hội hóa; các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương...đảm bảo tính khả thi. Tỷ lệ các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố đạt 77% [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo năm học phù hợp với điều kiện thực tế, hoàn thành tất cả các mục tiêu đảm bảo tính khả thi ở các mục tiêu đề ra về phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường; công tác xã hội hóa và các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương.

3. Điểm yếu: Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, cụ thể: tỷ lệ các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố mới đạt 77%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Từ năm học 2023-2024 đến năm 2029-2030	Không
Tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đưa mục tiêu xin mở rộng quỹ đất tại trung tâm trường, xin đầu tư	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Từ năm học 2024-2025 đến năm 2029-2030	5 tỷ đồng

công trình kiên cố theo lộ trình cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường				
Tích cực tham mưu bổ sung giáo viên còn thiếu so với quy định.	Cán bộ quản lý	Tờ trình, kế hoạch phát triển nhà trường	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong 5 năm liên tiếp đều đạt chỉ tiêu mức giao hàng năm. Kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận cụ thể: Năm học 2020-2021 đạt giải khuyến khích trong giao lưu "Tài năng tuổi thơ" cấp huyện; được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên công nhận tập thể lao động tiên tiến và tặng giấy khen; năm học 2022-2023 đạt giải nhì trong giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" cấp huyện, được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên công nhận tập thể lao động tiên tiến và tặng giấy khen [H1-1.2-09]; [H6-6.1-01]; [H6-6.1-02]. Nhà trường chưa có bằng khen tập thể.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm, nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch giao về chất lượng giáo dục và các hoạt động khác được các cấp ghi nhận, cụ thể: Năm học 2020-2021 đạt giải khuyến khích trong giao lưu "Tài năng tuổi thơ" cấp huyện; được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên công nhận tập thể lao động tiên tiến và tặng giấy khen; năm học 2022-2023 đạt giải nhì trong giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" cấp huyện, được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên công nhận tập thể lao động tiên tiến và tặng giấy khen.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có bằng khen tập thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	---------------------------	-------------------------------	----------------------------	-------------------------

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các phong trào thi đua nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động khác	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch phát động phong trào thi đua trong năm học.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Cán bộ quản lý cùng với đội ngũ giáo viên nhân viên tập trung huy động nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chí mức 4

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình giáo dục nhà trường thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ em. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn theo quy định như: sân chơi chung, sân chơi chung ngoài trời; sân tập thể dục; sân chơi dành cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo; sân vườn của nhà trường có khu đất để trẻ em tập trồng trọt, chăm sóc; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ em phát triển toàn diện, có các trang thiết bị tối thiểu phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; có khu vực dành riêng để phát triển vận động. Hằng năm thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra. Năm học 2020-2021, năm học 2022-2023 nhà trường có kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại nhà trường đã có sự tham khảo mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến nhưng chưa áp dụng vào chương trình để dạy trẻ; sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài, hố cát và bể vầy nước; nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; các công trình của nhà trường còn 33,3% xây dựng bán kiên cố chưa đáp ứng được 100% các công trình được xây dựng kiên cố, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh còn thấp, một số

giáo viên trẻ mới ra trường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ còn hạn chế, chưa có khu vực để tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non. Nhà trường chưa có bằng khen tập thể.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Tổng số tiêu chí của mức 4: 6 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 4: 2/6 tiêu chí
- + Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 4: 4/6 tiêu chí

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2019 - 2020 đến nay Trường Mầm non xã Mường Pồn đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền tập thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc và được Ủy ban nhân tỉnh, UBND huyện Điện Biên tặng giấy khen. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt, 100% cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cá nhân, các nhà hảo tâm đầu tư hỗ trợ kinh phí xây mới các khu vui chơi, trải nghiệm sáng tạo, tu sửa cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, của Đảng uỷ chính quyền xã Mường Pồn cùng với sự nỗ

lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ đã có những kết quả đáng kể. Trong quá trình tự đánh giá trường mầm non xã Mường Pôn đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 25/25 đạt 100%
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 25/25 đạt 100%
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 17/19 đạt 89,5%.
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 2/19 chiếm 10,5%
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 4: 2/6 đạt 33,3%
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 4: 4/6 chiếm 66,7%

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non xã Mường Pôn - huyện Điện Biên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trường Mầm non xã Mường Pôn đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Mường Pôn, ngày 04 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Chu Thị Hải Yến

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)